

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 8 - 2022

“V/v: Tranh chấp Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Danh Hòa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Khải

2. Bà Trần Thị Thanh Miên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 33/2022/HNGĐ-ST ngày 22-3-2022 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:40/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13-7-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2022/QĐST-DS ngày 29-7-2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1987 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Đỗ Quốc T, sinh năm: 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 5A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà N và Ông T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước vào năm 2006. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, lo lắng cho nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mâu thuẫn

ngày càng trầm trọng. Hai bên đã tự hòa giải để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng không có kết quả và đã ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Vì vậy, Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với Ông Đỗ Quốc T.

Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà và Ông T có với nhau 02 người con chung là Đỗ Quốc T1, sinh ngày: 08/4/2007 và Đỗ Quốc H, sinh ngày: 13/7/2010. Khi ly hôn bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và Ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với bị đơn Ông Đỗ Quốc T nhưng Ông T vẫn vắng mặt, nên không có bản lời khai.*

Tại phiên tòa: Nguyên đơn Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56 và Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với bị đơn Ông Đỗ Quốc T.

Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Cần giao con chung Đỗ Quốc T1, sinh ngày: 08/4/2007 và Đỗ Quốc H, sinh ngày: 13/7/2010 cho Bà N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và Ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp Ly hôn*”, bị đơn hiện cư trú tại thôn 5A, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Ông Đỗ Quốc T vắng mặt nhưng trước đó đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhiều lần, nhưng Ông T vẫn vắng mặt không có lý do, nên được xem như ông từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình tại phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà N cho rằng, trong thời gian chung sống giữa nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không được hạnh phúc, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chăm sóc gia đình; Ông T thường xuyên lo ăn chơi về chửi bới vợ con. Xét thấy, Bà N và Ông T sống chung với nhau từ năm 2006, việc sống chung hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương theo quy định, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập Ông T đến tòa để tham gia phiên hòa giải nhưng Ông T vẫn vắng mặt không có lý do, hơn nữa theo lời trình bày của nguyên đơn hiện ông bà đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. từ đầu năm 2022, Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương nơi ông bà sinh sống cũng thể hiện trong thời gian chung sống ông bà thường hay cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm lo lắng cho nhau, Ông T thường xuyên đi ăn chơi không chăm lo cho gia đình và hiện nay bà và Ông T đã sống ly thân khoảng đầu năm 2022 cho đến nay. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Bà N là phù hợp.

Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Bà và Ông T có 02 người con chung là cháu Đỗ Quốc T1, sinh ngày: 08/4/2007 và Đỗ Quốc H, sinh ngày: 13/7/2010, từ khi bà và Ông T ly thân cho đến nay cháu T1 và cháu H vẫn do Bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con chung là cháu Thịnh và cháu Hưng cho Bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành. Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con là phù hợp.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và Ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, các Điều 56, 57, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị N về việc “Tranh chấp Ly hôn”.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với Ông Đỗ Quốc T.

2/ Về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung là các cháu Đỗ Quốc T1, sinh ngày: 08/4/2007 và Đỗ Quốc H, sinh ngày: 13/7/2010 cho Bà N trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con chung Bà N không yêu cầu nên Tòa án giải quyết.

3/Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và Ông T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 0015684 ngày 12-3-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Phước. Bà N đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện P;
- CC THA DS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Mai Danh Hòa

